

Câu 1. (4,0 điểm)

a) Trình bày tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự thay đổi cơ cấu ngành kinh tế thế giới. Vì sao cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra và tác động chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển?

b) Phân tích các biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hóa kinh tế.

Câu 2. (4,0 điểm)

a) Trình bày và giải thích nguyên nhân thay đổi không gian sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ.

b) Phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp Nhật Bản.

Câu 3. (4,0 điểm)

a) So sánh sự khác nhau giữa địa hình vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc nước ta. Tại sao có sự khác biệt đó?

b) Trình bày đặc điểm sinh vật của đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Nguyên nhân nào làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta?

Câu 4. (4,0 điểm)

a) Chứng minh trình độ đô thị hóa ở nước ta còn thấp. Tại sao nước ta cần phải điều khiển quá trình đô thị hóa?

b) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15 và kiến thức đã học, hãy so sánh sự phân bố dân cư giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên. Vì sao nước ta rất chú trọng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới?

Câu 5. (4,0 điểm)

a) Phân tích điều kiện để phát triển sản xuất cây công nghiệp ở nước ta. Tại sao diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta trong những năm gần đây tăng nhanh?

b) Dựa vào bảng số liệu dưới đây

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2000	2005	2010	2014	2019
Xuất khẩu	14,5	32,4	72,2	150,2	264,2
Nhập khẩu	15,6	36,8	84,8	147,6	253,4

(Nguồn: Niên giám thống kê 2019, NXB thống kê 2020)

Hãy nhận xét và giải thích nguyên nhân làm thay đổi cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2000 - 2019. Sự thay đổi đó tác động như thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta?

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay để làm bài.

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh:

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Gồm 06 trang)

I. Hướng dẫn chung

- Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng, chính xác, chặt chẽ thì cho đủ số điểm của câu đó.
- Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm.

II. Đáp án và thang điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) Trình bày tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự thay đổi cơ cấu ngành kinh tế thế giới	1.0
	- Cơ cấu ngành kinh tế thế giới: Tỷ trọng của khu vực sản xuất vật chất giảm xuống, tỷ trọng của khu vực sản xuất phi vật chất tăng lên.	0,25
	- Nhóm nước đang phát triển: Tỷ trọng nông nghiệp giảm mặc dù thu nhập chính vẫn từ nông nghiệp, tỷ trọng công nghiệp – xây dựng tăng đáng kể, tỷ trọng dịch vụ tăng.	0,25
	- Nhóm nước phát triển: Tỷ trọng nông nghiệp rất thấp; tỷ trọng công nghiệp – xây dựng đang giảm, trong công nghiệp loại hình có hàm lượng khoa học công nghệ chiếm ưu thế; tỷ trọng khu vực dịch vụ rất cao.	0,5
	Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra và tác động chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển, vì:	1.0
	- Các nước phát triển sớm tiến hành công nghiệp hóa nên có nền tảng về kinh tế và nghiên cứu kỹ thuật.	0,5
	- Có khả năng đầu tư nguồn kinh phí lớn cho việc nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất.	0,5
	b) Các biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hóa kinh tế	2.0
	- Thương mại thế giới phát triển mạnh	
	+ Tốc độ tăng trưởng của thương mại luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế thế giới.	0,25
	+ Tổ chức thương mại thế giới WTO với 150 thành viên (2007) chiếm tới 95% hoạt động thương mại thế giới và có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy tự do hóa thương mại, làm cho kinh tế thế giới phát triển năng động hơn.	0,25
	- Đầu tư nước ngoài tăng nhanh	
	+ Từ 1990 đến 2004 đầu tư nước ngoài đã tăng từ 1774 tỉ USD lên 8895 tỉ USD.	0,25
	+ Trong đầu tư ra nước ngoài dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, nổi lên là các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	- Thị trường tài chính quốc tế mở rộng	0,25
	+ Hàng vạn ngân hàng được nối với nhau qua mạng viễn thông điện tử, mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu đã và đang mở rộng trên toàn thế giới.	
	+ Các tổ chức như quỹ tiền tệ quốc tế IMF, ngân hàng thế giới WB có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế toàn cầu cũng như trong đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia.	0,25
	- Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn	0,25
	+ Các công ty xuyên quốc gia có phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia khác nhau, nắm trong tay nguồn của cải vật chất lớn và chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng.	
	+ Chiếm 30% tổng giá trị GDP toàn cầu, 2/3 buôn bán quốc tế, 75% đầu tư trực tiếp...	0,25
2	a) Trình bày và giải thích nguyên nhân thay đổi không gian sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ.	2.0
	- Trước đây, sản xuất công nghiệp tập trung ở vùng Đông Bắc với các ngành công nghiệp truyền thống như luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu...	0,5
	- Hiện nay, sản xuất công nghiệp mở rộng xuống phía Nam và ven Thái Bình Dương hình thành vành đai công nghiệp mới với các ngành công nghiệp hiện đại như hóa dầu, hàng không – vũ trụ, điện tử, viễn thông...	0,5
	Nguyên nhân	
	- Vùng công nghiệp Đông Bắc có công nghiệp phát triển lâu đời, cơ sở hạ tầng xuống cấp, ô nhiễm môi trường...	0,25
	- Khu vực phía Nam và ven Thái Bình Dương có nhiều lợi thế như	
	+ Vị trí địa lý thuận lợi (gần Mỹ La tinh, ven Thái Bình Dương cửa ngõ sang các nước Châu Á – Thái Bình Dương) tiện cho việc xuất nhập khẩu đến thị trường Á – Phi – Mỹ La tinh.	0,25
	+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi, đặc biệt khí hậu nắng ấm, đất đai rộng lớn, nguồn khoáng sản dồi dào nhất là dầu mỏ, khí đốt...	0,25
	+ Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. Đây là khu vực mới được hình thành nên có điều kiện áp dụng công nghệ hiện đại.	0,25
	b) Những thuận lợi và khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp Nhật Bản	2.0
	*Thuận lợi	
	- Có các đồng bằng ven biển, đất đai khá màu mỡ thuận lợi cho phát triển ngành trồng trọt.	0,25
	- Khí hậu có sự phân hóa, phía bắc ôn đới, phía nam cận nhiệt đới; nằm trong khu vực gió mùa, mưa nhiều thuận lợi phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi.	0,25
	- Bờ biển dài và rộng, có nhiều ngư trường lớn, nhiều vũng vịnh thuận lợi cho đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.	0,25
	- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ nông nghiệp hiện đại, chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp.	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	- Công nghiệp phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh.	0,25
	- Lao động có trình độ; nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước lớn.	0,25
	*Khó khăn	
	- Đất nông nghiệp ít chỉ chiếm chưa đầy 14% diện tích tự nhiên, lại bị chia cắt và đang bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa.	0,25
	- Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai: Bão, sóng thần, động đất, núi lửa...	0,25
3	a) Sự khác nhau giữa địa hình vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc nước ta	1.0
	- Về hướng núi chủ yếu: Vùng núi Tây Bắc hướng tây bắc – đông nam, vùng núi Đông Bắc hướng vòng cung.	0,25
	- Về độ cao: Vùng núi Tây Bắc cao và đồ sộ nhất nước ta, có nhiều đỉnh núi cao trên 2000m; vùng núi Đông Bắc thấp hơn, độ cao phổ biến 500 – 1000m.	0,25
	- Về cấu trúc địa hình	
	+ Vùng núi Tây Bắc có 3 mạch núi chính: Phía đông là dãy núi cao Hoàng Liên Sơn, phía tây là các dãy núi trung bình dọc biên giới Việt – Lào, ở giữa thấp hơn gồm các cao nguyên, sơn nguyên đá vôi.	0,25
	+ Vùng núi Đông Bắc: Địa hình của 4 cánh cung lớn, núi cao ở thượng nguồn sông Chảy, giáp biên giới Việt – Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ, trung tâm là vùng đồi núi thấp.	0,25
	Giải thích	1.0
	- Vùng núi Đông Bắc	
	+ Hướng núi: Trong lịch sử hình thành lãnh thổ, vùng chịu sự quy định hướng của khối nền cổ Hoa Nam (vòm sông Chảy) nên có hướng vòng cung.	0,25
	+ Độ cao: Địa hình chủ yếu là núi thấp của vùng có liên quan đến nền cổ Hoa Nam, vận động nâng lên ở đây yếu hơn so với vùng núi Tây Bắc.	0,25
	- Vùng núi Tây Bắc:	
	+ Hướng núi: Hướng tây bắc – đông nam của vùng là do sự quy định hướng của khối nền cổ Tây Vân Nam (cụ thể là khối nền cổ Hoàng Liên Sơn).	0,25
	+ Độ cao: Trong vận động địa chất của vỏ Trái Đất, vùng này là một bộ phận của địa mảng Đông Dương và vùng núi Tây Vân Nam (hoặc địa mảng Việt – Lào) nên chịu tác động mạnh của vận động nâng lên trong giai đoạn Tân kiến tạo (Anpơ – Himalaya).	0,25
	b) Trình bày đặc điểm sinh vật của đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Nguyên nhân nào làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta?	2.0
	* Đặc điểm sinh vật nhiệt đới ở nước ta	
	- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở những vùng núi thấp, mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ rệt. Rừng cấu trúc nhiều tầng, sinh vật phần lớn là các loài nhiệt đới.	0,5
	- Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa: rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô.	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	- Trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt có: rừng ngập mặn trên đất mặn ven biển, rừng tràm trên đất phèn...	0,25
	* Nguyên nhân làm suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta	
	- Vị trí gần chí tuyến nên có các loài xứ lạnh từ phương bắc xuống.	0,25
	- Ảnh hưởng của độ cao địa hình nên có sự xuất hiện của các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới trên núi.	0,25
	- Ảnh hưởng của gió mùa đông bắc nên miền Bắc có một mùa đông lạnh, làm xuất hiện các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.	0,25
	- Nguyên nhân khác: Chặt phá rừng, săn bắn quá mức, nhập giống từ vùng khác về... dần làm mất đi tính ưu thế ổn định của các hệ sinh thái nhiệt đới.	0,25
4	a) Chứng minh trình độ đô thị hóa ở nước ta còn thấp. Tại sao nước ta cần phải điều khiển quá trình đô thị hóa?	2.0
	* Trình độ đô thị hóa nước ta còn thấp	
	- Cơ sở hạ tầng các đô thị vẫn còn ở mức độ thấp so với khu vực và thế giới.	0,25
	- Tỷ lệ dân số đô thị thấp (dẫn chứng).	0,25
	- Quy mô đô thị nhỏ, quy hoạch đô thị bất hợp lý....	0,25
	* Nước ta cần điều khiển quá trình đô thị hóa, vì:	
	- Tình trạng đô thị hóa quá mức vẫn diễn ra: đô thị hóa không phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, không xuất phát từ công nghiệp hóa:	0,25
	+ Việc chuyển cư ồ ạt từ nông thôn ra thành phố làm cho nông thôn mất đi một phần lớn nhân lực.	0,25
	+ Ở thành phố tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn còn gay gắt, nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội.	0,25
	- Điều khiển quá trình đô thị hóa để góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; làm thay đổi sự phân bố dân cư và lao động, thay đổi quá trình sinh tử và hôn nhân ở các đô thị...	0,5
	b) So sánh sự phân bố dân cư giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên	1.5
	* Giống nhau	
	- Mật độ dân số vào loại thấp nhất (so với các vùng khác và cả nước).	0,25
	- Phân bố dân cư không đều: Trong nội bộ từng vùng, giữa các tỉnh và nội bộ từng tỉnh, giữa thành thị và nông thôn (dẫn chứng).	0,25
	* Khác nhau	
	- Về mật độ dân số: Trung du miền núi Bắc bộ cao hơn Tây Nguyên (dẫn chứng)	0,25
	- Về phân bố: Trung du miền núi Bắc Bộ rất không đều, Tây Nguyên tương đối đồng đều.	0,25
	- Về sự phân hóa:	
	+ Trung du miền núi Bắc Bộ mật độ cao nhất ở khu vực trung du, thưa thớt ở khu vực núi cao (dẫn chứng các cấp mật độ).	0,25

Câu	Nội dung	Điểm												
	+ Tây Nguyên mật độ cao nhất trên các cao nguyên phụ cận tỉnh lỵ, thấp nhất ở Kon Tum, Đắk Nông (dẫn chứng các cấp mật độ)	0,25												
	Nước ta rất chú trọng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới, vì:													
	- Phần lớn các dân tộc ít người sống ở trung du miền núi sát vùng biên giới – nơi có đường biên giới chung với các nước láng giềng.	0,25												
	- Phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới nhằm xóa đói giảm nghèo, thực hiện bình đẳng dân tộc, giữ vững an ninh quốc phòng...	0,25												
5	a) Phân tích điều kiện để phát triển sản xuất cây công nghiệp ở nước ta. Tại sao diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta trong những năm gần đây tăng nhanh	2.0												
	*Điều kiện để phát triển sản xuất cây công nghiệp ở nước ta													
	- Thuận lợi													
	+ Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm phân hóa đa dạng (Bắc – Nam, Đông – Tây, theo độ cao); có nhiều loại đất (Feralit, xám phù sa cổ, đất cát...), nhiều loại đất phân bố trên những mặt bằng rộng lớn thích hợp hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn.	0,25												
	+ Lao động dồi dào, có kinh nghiệm; đã có mạng lưới các cơ sở chế biến nguyên liệu cây công nghiệp, thị trường tiêu thụ mở rộng, tiến bộ của khoa học kĩ thuật, chính sách của nhà nước...	0,25												
	- Khó khăn													
	+ Điều kiện tự nhiên (Khí hậu phân hóa theo mùa sâu sắc, thiên tai, sâu bệnh...)	0,25												
	+ Thị trường thế giới có nhiều biến động. Sản phẩm cây công nghiệp của nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường khó tính.	0,25												
	*Diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta trong những năm gần đây tăng nhanh, vì:													
	- Nhu cầu của thị trường tăng, nhiều sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là các sản phẩm chủ yếu phục vụ xuất khẩu, đem lại giá trị kinh tế cao.	0,25												
	- Phát triển cây công nghiệp lâu năm liên quan đến việc phát huy thế mạnh sẵn có ở các khu vực trung du miền núi nước ta như đất đai, khí hậu...., góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.	0,25												
	- Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc.	0,25												
	- Góp phần phân bố lại dân cư và lao động trên quy mô lãnh thổ.	0,25												
	b) Nhận xét và giải thích nguyên nhân làm thay đổi cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2000 – 2019	2.0												
	- Xử lí số liệu Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2000 – 2019 (Tỉ USD)	0,25												
<table><tr><th>Năm</th><th>2000</th><th>2005</th><th>2010</th><th>2014</th><th>2019</th></tr><tr><td>Cán cân XNK</td><td>-1,1</td><td>-4,4</td><td>-12,6</td><td>2,6</td><td>10,8</td></tr></table>		Năm	2000	2005	2010	2014	2019	Cán cân XNK	-1,1	-4,4	-12,6	2,6	10,8	
Năm	2000	2005	2010	2014	2019									
Cán cân XNK	-1,1	-4,4	-12,6	2,6	10,8									
- Cán cân xuất nhập khẩu nước ta giai đoạn 2000 – 2019 có nhiều biến động.		0,25												
+ Giai đoạn 2000 – 2010 nhập siêu, giá trị nhập siêu ngày càng tăng (dẫn chứng)		0,25												

Câu	Nội dung	Điểm
	+ Giai đoạn 2014 – 2019 xuất siêu, giá trị xuất siêu ngày càng tăng (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
	- Nguyên nhân nhập siêu: Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhu cầu của phát triển cơ sở hạ tầng, tăng trưởng sản xuất. Giá trị hàng xuất khẩu không cao (Nhóm hàng sơ chế, nông sản, gia công...)	0,25
	- Nguyên nhân xuất siêu: Sản xuất trong nước tăng trưởng mạnh, sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước. Thị trường quốc tế được mở rộng, sản phẩm qua chế biến giá trị cao.	0,25
	Sự thay đổi đó tác động đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta	
	- Sau thời gian dài nhập siêu, từ 2014 nước ta đã xuất siêu mở ra giai đoạn mới trong hoạt động ngoại thương qua đó tạo động lực phát triển kinh tế, sản xuất và xuất khẩu.	0,25
	- Giúp cân đối cán cân ngoại thương và tham gia sâu hơn vào hoạt động thương mại toàn cầu.	0,25
Tổng	Câu 1 + Câu 2 + Câu 3 + Câu 4 + Câu 5	20,0

-----HẾT-----